

Số: /TB-BV

Hà Giang, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc mời đơn vị tham gia tư vấn: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 1305/SYT-KHTC, ngày 13/6/2023 của Sở Y tế Hà Giang, về việc chủ trương thực hiện Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang ;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-SYT, ngày 27/7/2023 của Sở Y tế Hà Giang phê duyệt danh mục, số lượng và dự toán Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang thông báo đến các đơn vị tư vấn có năng lực tham gia gói thầu Lập E-Hồ sơ mời thầu, đánh giá E- Hồ sơ dự thầu và thẩm định E-Hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang (Có danh mục chi tiết kèm theo).

Tổng giá trị gói thầu Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang là 1.143.095.000đồng (Số tiền bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

TT	Nội dung công việc	Khối lượng
01	Tư vấn Lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	01 gói
02	Tư vấn thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	01 gói

Khi nhận được Thông báo này, các đơn vị tư vấn có nhu cầu tham gia đề nghị gửi 01 bộ hồ sơ về Phòng Hành chính Quản trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Tổ 10, Phường Minh Khai – Thành phố Hà Giang – Tỉnh Hà Giang

(Liên hệ bà Phạm Thị Kim Quy, SĐT: 0915 914 339) trước 10 giờ 00 phút, ngày 05/8/2023 để tổ chức lựa chọn tư vấn theo quy định. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị tham gia tư vấn;
 - Hồ sơ năng lực của đơn vị có kèm theo các nội dung sau:
 - + Văn bản chứng minh có chức năng trong công tác Lập E-Hồ sơ mời thầu, đánh giá E- Hồ sơ dự thầu và thẩm định E-Hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu.
 - + Các hợp đồng tương tự đã ký kết trong thời gian qua (02 năm gần nhất).
 - + Một số thông tin khác có liên quan như: (báo giá...).
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Dũng

Gói thầu: Mua sắm trang phục Y tế và đồ vải của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
(Kèm theo Thông báo số /TB-BV, ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục hàng hóa	Chất liệu vải	Mô tả hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng mỗi thầu	Đơn giá	Thành tiền
1	Quần bệnh nhân A10	Chất liệu vải non kẻ xanh hoặc tương đương Thành phần,(16±1)% (bông); (84±1)% Polyesster. Chỉ số sợi tách từ vải ; sợi dọc trắng 170±2. Sợi dọc xanh 81±2. Sợi ngang (37±1)/1Mật độ sợi: Dọc 448±2, ngang 325±2.khối lượng (g/m2) 106±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . độ vón gút 7200 vòng quay 3-4	Áo dài tay, kẻ màu xanh, cổ bẻ, cài cúc giữa, áo dài ngang hông, dáng xuôi phía trước có 3 túi. Quần luồn dây đai dút. In logo Bệnh viện	Việt Nam	Bộ	60	475.000	28.500.000
2	Áo bệnh nhân nặng	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (viscco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm.Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo dài tay, màu xanh hòa bình, cổ bẻ, cài cúc giữa, áo dài ngang hông, dáng xuôi phía trước có 3 túi. Quần luồn dây đai dút. In logo Bệnh viện	Việt Nam	Cái	20	185.000	3.700.000
3	Quần áo bệnh nhân cho người lớn	Chất liệu vải non kẻ xanh hoặc tương đương Thành phần,(16±1)% (bông); (84±1)% Polyesster. Chỉ số sợi tách từ vải ; sợi dọc trắng 170±2. Sợi dọc xanh 81±2. Sợi ngang (37±1)/1Mật độ sợi: Dọc 448±2, ngang 325±2.khối lượng (g/m2) 106±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . độ vón gút 7200 vòng quay 3-4	Vải kẻ, Áo dài tay cổ bẻ, cài cúc giữa, áo dài ngang hông, dáng xuôi phía trước có 3 túi. Quần luồn dây đai dút. In logo Bệnh viện	Việt Nam	Bộ	400	315.000	126.000.000

4	Áo choàng phẫu thuật	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương , thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân chéo.Mật độ sợi: Dọc 475±2, ngang 225±2.khối lượng (g/m2) 220±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo màu xanh cổ vịt, dài tay, may liền khấu trang, áo dài quá gối 5-10cm, tay bo chun 6cm, có dây móc ngón tay, buộc dây phía sau.	Việt Nam	Cái	300	365.000	109.500.000
5	Áo vàng người nhà bệnh nhân	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (viscco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm.Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo in logo Bệnh viện Màu vàng, cổ tròn, cài cúc giữa, tay lỡ, dáng suông, dài quá mông.	Việt Nam	cái	100	190.000	19.000.000
6	Ga giường bệnh nhân. (KT: 0,9m x 1,9m)	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương , thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân chéo.Mật độ sợi: Dọc 475±2, ngang 225±2.khối lượng (g/m2) 220±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh cổ vịt; Đầu trên may gấp 30cm, đầu dưới gấp 40cm, hai cạnh mỗi cạnh gấp 30cm, Tổng chiều dài rộng 1,5m x tổng chiều dài 2,6m).	Việt Nam	Cái	250	280.000	70.000.000
7	Xăng (KT: 30cm x 20m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông)Kiểu dệt chéo 3/1.Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Cúc bấm 2 đầu; phủ catherte HSTC (theo mẫu)	Việt Nam	Cái	50	85.000	4.250.000
8	Xăng (KT: 1,8m x 1,6m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông)Kiểu dệt chéo 3/1.Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây may viền bốn xung quanh, May 1 lớp, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	250	285.000	71.250.000

9	Xăng (KT: 1,8m x 2m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông) Kiểu dệt chéo 3/1. Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây may viền bốn xung quanh, May 1 lớp, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	250	350.000	87.500.000
10	Xăng (KT: 1m x 1m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông) Kiểu dệt chéo 3/1. Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây may viền bốn xung quanh, May 2 lớp trần chéo, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	100	260.000	26.000.000
11	Vỏ gối. (KT: 55cm x 75cm)	Chất liệu vải kaki hoặc tương đương , thành phần,(35±1)% (bông)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân chéo. Mật độ sợi: Dọc 475±2, ngang 225±2. khối lượng (g/m2) 220±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây, may viền bốn xung quanh , mặt sau may kiểu úp thìa chồng lên 5cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	cái	100	90.000	9.000.000
12	Xăng, (KT: 0,6m x 0,6m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông) Kiểu dệt chéo 3/1. Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây, may trần 2 lớp, may viền bốn xung quanh. May trần 2 lớp. in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	100	150.000	15.000.000
13	Xăng, (KT: 1,5 x 1,5m)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông) Kiểu dệt chéo 3/1. Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (±2) , Ngang: 220 (±2). trọng lượng 275 (±3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh lá cây, may trần 2 lớp, may viền bốn xung quanh. May 2 lớp trần chéo. in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	50	195.000	9.750.000
14	Áo váy sản	Chất liệu vải thô hoặc tương đương thành phần,(35±1)% (vissco)cotton; (65±1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm. Mật độ sợi: Dọc 280±2, ngang 260±2. khối lượng (g/m2) 175±2. Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu xanh hòa bình, cổ áo ve tròn, cài cúc giữa dáng xuống dài quá hông. Váy cạp dài rút, dài quan gối. In logo Bệnh viện	Việt Nam	Cái	50	315.000	15.750.000

15	Xăng siêu âm (KT 45cm x 45cm)	Chất liệu Vải Kaki hoặc tương đương, Thành phần 100% cotton (bông) Kiểu dệt chéo 3/1. Mật độ (sợi/10cm): Dọc 465 (± 2) , Ngang: 220 (± 2). trọng lượng 275 (± 3)g/m2, độ bền màu giặt (A1), 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Màu trắng may viền bốn xung quanh, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG	Việt Nam	Cái	100	50.000	5.000.000
16	Quần áo phẫu thuật viên	Vải cotton co giãn hoặc tương đương, thành phần (65 ± 1)% polyester, (33 ± 1)% Visco, (2 $\pm 0,5$)% spandex. Mật độ sợi dọc (500 ± 2), ngang (215 ± 2), khối lượng (g/m2), (300 ± 2), , độ vón cục (xù lông) 7200 vòng quay cấp 3-4, chỉ số sợi tách ra từ vải , dọc (40 $\pm 0,5$)/2 , Sợi Ngang xe có chun (30 $\pm 0,5$)/2. Độ bền màu giặt A1 ,40°C cấp 4-5	Áo cộc tay: Màu xanh lá cây nhạt, cổ trái tim, chui đầu, áo dài ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trước ngực trái. Quần cạp chun, túi chéo 2 bên; In logo Bệnh viện trên ngực phía bên trái và may họ tên trên túi áo.	Việt Nam	Cái	135	615.000	83.025.000
17	Quần áo Blu (dài tay)	Chất liệu vải Oxford loại 1 hoặc tương đương màu Trắng thành phần, (35 ± 1)% (bông)cotton; (65 ± 1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm Mật độ sợi: Dọc 295 ± 2 , ngang 270 ± 2 . khối lượng (g/m2) 165 ± 2 . Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo dài tay màu trắng: Áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, áo dài ngang gối hoặc ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên ngực trái, Quần cạp chun, túi chéo 2 bên. In hoặc may logo Bệnh viện	Việt Nam	Bộ	664	475.000	315.400.000
18	Quần áo Blu (Cộc tay)	Chất liệu vải Oxford loại 1 hoặc tương đương màu Trắng thành phần, (35 ± 1)% (bông)cotton; (65 ± 1)% Polyesster. Kiểu dệt vân điểm Mật độ sợi: Dọc 295 ± 2 , ngang 270 ± 2 . khối lượng (g/m2) 165 ± 2 . Độ bền màu giặt: A1, 40°C cấp 4-5 . Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Áo cộc tay màu trắng: Áo blouse cổ bẻ danton, cài cúc giữa, áo dài ngang gối hoặc ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên ngực trái, Quần cạp chun, túi chéo 2 bên. In hoặc may logo Bệnh viện	Việt Nam	Bộ	258	465.000	119.970.000
19	Mũ y tế	Theo màu và chất liệu quần áo	Mũ bác sĩ , DS, KTV , Điều dưỡng nam đỉnh tròn , xẻ rãnh phía sau và có dây buộc , Mũ Điều dưỡng nữ kiểu tai bèo có dây buộc phía sau , có lé theo màu lé của áo. Khẩu trang may 2 lớp có chun	Việt Nam	Bộ	130	50.000	6.500.000

			vòng qua tai.					
20	Đồng Phục phòng công tác xã hội mùa hè	Áo vải kate , quần,zip vải Tuytsi hoặc tương đương thành phần (65±0,5)% polyester, (32±0,5)% Visco, (3±0,5)% spandex Khối lượng (g/m ²) 150±2, Mật độ sợi dọc 560±2, ngang 365±2, Độ bền màu giặt A(1)40 °c cấp 4-5, Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Bộ đồ công sở gồm Áo sơ mi cổ đức thắt nơ , quần hoặc zip	Việt Nam	Bộ	12	600.000	7.200.000
21	Đồng Phục phòng công tác xã hội đông	Áo vải kate , quần ,zip vải Tuytsi hoặc tương đương thành phần (65±0,5)% polyester, (32±0,5)% Visco, (3±0,5)% spandex Khối lượng (g/m ²) 150±2, Mật độ sợi dọc 560±2, ngang 365±2, Độ bền màu giặt A(1)40 °c cấp 4-5, Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) K.p.h	Bộ đồ công sở gồm Áo ves , quần hoặc zip	Việt Nam	Bộ	12	900.000	10.800.000
	Cộng							1.143.095.000
Số tiền bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn đồng./.								